

Bản tin pháp lý

Tháng 10/2008

Nội dung

Luật đầu tư	2
Các lĩnh vực khác:.....	8
Tài chính.....	8
Ngân hàng	8
Thuế.....	8
Thương mại	9
Lao động.....	10
Giao thông vận tải	10
Xây dựng	10
Đất đai	11
Môi trường.....	12
Khoa học công nghệ	12
Tư pháp	13
Nội vụ.....	14
Nông nghiệp	14
Văn bản khác	15
Địa chỉ liên hệ	16

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2008. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật đầu tư

PPP thúc đẩy đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

Phạm Minh Long/Vương Sơn Hà

Lý do và Vai trò của Quan hệ Đối tác Tư nhân - Nhà nước (PPP)

Mặc dù có những nỗ lực cải thiện đáng kể, hệ thống cơ sở hạ tầng tổng thể của Việt Nam vẫn ở trong một tình trạng đáng lo ngại như hệ thống giao thông còn yếu kém, có quy mô nhỏ và dưới tiêu chuẩn kỹ thuật; cả nước vẫn chưa có cảng biển nước sâu và đường cao tốc đạt tiêu chuẩn; hệ thống đường bộ ở các thành phố lớn và khu vực phát triển vẫn chưa hoàn toàn liên kết với hệ thống giao thông quốc gia.

Theo thống kê của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), trong thập niên vừa qua, đầu tư của cả nước cho cơ sở hạ tầng đạt mức trung bình 9 đến 10% GDP. Để duy trì tốc độ phát triển hiện nay, đầu tư trong lĩnh vực này phải tăng lên từ 11 đến 12% GDP. Điều này được giải thích bởi một thực tế là nếu mức tăng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2005 – 2010 được kỳ vọng đạt 7,2 đến 8%, nhu cầu năng lượng sẽ tăng gấp đôi so với mức tăng GDP.

Theo dự đoán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) trong bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế cho 5 năm tiếp theo, yêu cầu về vốn đầu tư là khoảng 139,4 tỷ Đôla Mỹ. Cụ thể, đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông từ nay cho đến năm 2020 đòi hỏi khoảng 7,4 tỷ Đôla Mỹ trong khi khả năng cung cấp của các nguồn tài chính hiện có từ ngân sách Nhà nước, vốn ODA và ngân sách Chính phủ tổng cộng chỉ có 2 đến 3 tỷ Đôla Mỹ.

Bản dự thảo kế hoạch này cũng xác định kinh phí cho các ngành cụ thể, ví dụ như khu vực năng lượng cần khoảng 2,5 tỷ Đôla Mỹ mỗi năm, các hệ thống giao thông và hệ thống đường đô thị - khoảng 44 tỷ Đôla Mỹ. Ngoài việc sử dụng ngân sách Nhà nước và vốn ODA, một nguồn tài chính rất quan trọng của giai đoạn này sẽ được huy động thông qua các dự án PPP. Thật vậy, theo MPI, vốn tư nhân sẽ chiếm vị trí dẫn đầu với 568 đến 607 nghìn tỷ VNĐ trong cơ cấu thu hút vốn trong 5 năm tiếp theo, đầu tư từ khu vực Nhà nước đứng thứ hai với 356 nghìn tỷ VNĐ. Cuối cùng là đầu tư trực tiếp nước ngoài với 252 đến 277 nghìn tỷ VNĐ.

Được coi là một cách tiếp cận mới cho sự phát triển khi mà việc cung cấp các dịch vụ công cộng và cơ sở hạ tầng có thể được thực hiện bởi cả khu vực Nhà nước lẫn khu vực tư nhân, PPP cho phép huy động vốn sẵn có và vận dụng các thông lệ quản lý từ nhiều thực thể để đầu tư và nâng cao tính hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ. Phần đóng góp của khu vực Nhà nước sẽ hạn chế ở việc bù đắp sự thiếu hụt về tài chính và đưa ra các cam kết mang tính thiết chế cho các dự án.

Do đó, Chính phủ Việt Nam và các bộ, ngành liên quan thừa nhận rằng ngoài các nguồn tài chính truyền thống, cần thu hút và huy động vốn từ khu vực tư nhân, các ngân hàng

và tổ chức tín dụng, cho dù đó là các tổ chức trong nước hay nước ngoài. Đối với khu vực tư nhân, vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ được huy động thông qua việc phát hành trái phiếu xây dựng, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dưới hình thức BOT, BT... và dựa vào sự đóng góp tự nguyện hay bắt buộc của dân cư cho giao thông nông thôn. Trong khi đó, vốn từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng sẽ được huy động thông qua các côngxoócxiom cấp các khoản vay cho những dự án cơ sở hạ tầng hứa hẹn đem lại lợi nhuận cao với lãi suất thị trường.

Tuy nhiên, các nghiên cứu của ADB tiết lộ rằng vốn từ khu vực tư nhân vẫn còn chiếm vị trí khiêm tốn trong việc cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. Chỉ có 18 dự án BOT và BBC đã được thực hiện với các đối tác nước ngoài trong suốt 12 năm qua, chiếm tỷ lệ khoảng 15% tổng số vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Hầu hết các dự án tập trung vào lĩnh vực năng lượng và truyền thông.

Vấn đề này có thể được giải thích bởi các quan điểm trái ngược nhau của Chính phủ đối với đầu tư tư nhân và sự đánh giá thấp việc mang lại hiệu quả của khu vực kinh tế này. Cụ thể hơn, quy trình sử dụng bảo lãnh của Chính phủ còn thiếu rõ ràng, trong nhiều lĩnh vực thời hạn chuyển giao của các dự án BOT chưa được xác định và còn tồn tại những khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp.

Như Ngân hàng Thế giới đã nêu lên, ngoài những nhân tố cơ bản khác như công tác lập kế hoạch, thu nhập chắc chắn và dự toán chi phí là một phần của nghiên cứu khả thi, sự tuân thủ các thỏa thuận hợp đồng, sự sắp xếp mạnh mẽ về mặt thiết chế, mua sắm hàng hóa mang tính cạnh tranh, một khuôn khổ pháp lý vững chắc và rõ ràng là hết sức cần thiết cho PPP do nó quy định “quy tắc của cuộc chơi” cho khu vực tư nhân và làm giảm bớt những rủi ro của dự án, từ đó làm gia tăng tỷ lệ thành công của các dự án PPP.

Khung pháp lý cho PPP

Nói chung, Quan hệ Đối tác Nhà nước - Tư nhân không phải là cái gì quá mới mẻ tại Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, với các hình thức phổ biến như: (i) hợp đồng Xây dựng - Vận hành – Chuyển giao (BOT), (ii) hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Vận hành (BTO), và (iii) Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT). Tuy nhiên, có thể thấy rằng cho đến nay vẫn chưa có khái niệm pháp lý về PPP hoặc một luật riêng cho PPP tại Việt Nam.

Nền tảng pháp lý hiện hành đối với PPP phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam được thiết lập bằng sự kế thừa các văn bản pháp luật và quy định về đầu tư, doanh nghiệp và xây dựng liên quan đến đầu tư dưới hình thức các hợp đồng BOT, BT và BTO được Chính phủ ban hành từ năm 1977 đến 1999. Hơn mười năm trước, vào ngày 18/6/1997, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/CP ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT áp dụng cho đầu tư trong nước. Một năm sau, vào ngày 15/5/1998, Chính phủ ban hành tiếp Nghị định số 62/1998/NĐ-CP ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, hợp đồng BTO và hợp đồng BT áp dụng cho đầu tư nước ngoài tại Việt

Nam. Sau đó, Nghị định số 62 đã được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 02/1999/NĐ-CP ngày 27/1/1999 để việc thi hành được tốt hơn. Chúng tôi cho rằng ba nghị định này đóng vai trò là khung pháp lý ban đầu cho PPP tại Việt Nam thông qua khuyến khích và hỗ trợ sự tham gia của khu vực tư nhân trong việc đầu tư và vận hành các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Mặc dù hiện không có một đạo luật riêng rẽ nào quy định đầy đủ các khía cạnh của PPP, tuy nhiên, một số văn bản pháp luật được sử dụng như là khung pháp lý cho PPP tại Việt Nam, bao gồm Luật Đầu tư 2005 (“Luật Đầu tư”) và các văn bản hướng dẫn; Luật Doanh nghiệp 2005 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn; Luật Xây dựng 2003 (“Luật Xây dựng”), Luật Đấu thầu 2005 (“Luật Đấu thầu”), Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 149/2007/BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/12/2007 về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn ngân sách Nhà nước cho các hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT, v.v. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư nước ngoài muốn thực hiện dự án tại Việt Nam, họ cần tham khảo bản cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) để nắm bắt những quy định cụ thể đối với sự hiện diện của nhà đầu tư nước ngoài trong từng lĩnh vực.

(i) Do sự phát triển khá nhanh, hội nhập khu vực và quốc tế sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam và áp lực từ việc gia nhập WTO, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư đã được Quốc hội ban hành cùng ngày 29/11/2005. Các luật này được coi là những cải cách pháp lý đối với các hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam nói chung.

- Luật Đầu tư điều chỉnh các hoạt động đầu tư vì mục đích kinh doanh, cụ thể là (i) các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, (ii) các biện pháp đảm bảo đối với quyền và lợi ích của nhà đầu tư, (iii) khuyến khích và ưu đãi đầu tư, (iv) yêu cầu về cấp phép và các lĩnh vực cấm đầu tư, và (v) quản lý Nhà nước đối với các hoạt động đầu tư.

Theo Điều 13 Luật Đầu tư, các nhà đầu tư có quyền tự chủ trong việc thực hiện các hoạt động đầu tư và kinh doanh như: (i) lựa chọn lĩnh vực đầu tư, hình thức đầu tư, phương thức phát triển vốn, địa điểm và quy mô đầu tư; đối tác đầu tư và thời hạn triển khai của dự án; và (ii) đăng ký kinh doanh trong một hay nhiều lĩnh vực công nghiệp và thương mại, thành lập doanh nghiệp và ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh đã đăng ký.

Luật Đầu tư cho phép đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO và BT bên cạnh các hình thức đầu tư trực tiếp khác. Điều đó có nghĩa rằng các nhà đầu tư có thể ký hợp đồng BOT, BTO hoặc BT với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các dự án xây dựng mới, mở rộng, hiện đại hóa và vận hành các dự án cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực giao thông, sản xuất và kinh doanh năng lượng, cấp thoát nước, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đồng thời, các hoạt động thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, là luật quy định về việc thành lập, quản lý tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Theo Luật Doanh nghiệp, văn bản đã tạo nên sự thay đổi then chốt khi đưa ra một khung pháp lý thống nhất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền tiến hành các ngành nghề kinh doanh không bị pháp luật cấm. Ngoài ra, các doanh nghiệp được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và đối xử thuận lợi để tham gia vào sản xuất và cung cấp sản phẩm và các dịch vụ công cộng.
- (ii) Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu đã mở đường cho việc ban hành Nghị định số 78/2007/NĐ-CP (“Nghị định số 78”) của Chính phủ vào ngày 11/5/2007 quy định các lĩnh vực, điều kiện, trình tự, thủ tục và ưu đãi áp dụng đối với các dự án đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng dưới hình thức hợp đồng BOT, hợp đồng BTO hay hợp đồng BT. Theo quan điểm của chúng tôi, trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, đây có thể được coi là “luật về PPP tại Việt Nam” tính đến thời điểm này.

Căn cứ Nghị định số 78, tất cả các dự án đầu tư liên quan đến cơ sở hạ tầng đều được Chính phủ khuyến khích. Ngoài danh mục những dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO và BT của các cơ quan Nhà nước, được chuẩn bị và ban hành hàng năm dựa trên kế hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho từng thời kỳ và lĩnh vực cụ thể, các nhà đầu tư có thể đề xuất các dự án của mình.

Ba loại hợp đồng có thể áp dụng cho các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bao gồm: (i) Hợp đồng BOT, (ii) hợp đồng BTO, và (iii) hợp đồng BT. Các loại hợp đồng tương tự có thể được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trách nhiệm của nhà đầu tư là tìm kiếm nguồn tài chính để thực hiện dự án. Lần đầu tiên Nghị định số 78 quy định tỷ lệ tối thiểu đối với vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư: ít nhất 30% nếu tổng vốn đầu tư của dự án dưới 75 tỷ VNĐ; ít nhất 20% nếu tổng số vốn từ 75 tỷ VNĐ đến dưới 1.500 tỷ VNĐ; ít nhất 10% nếu tổng số vốn đầu tư từ 1.500 tỷ VNĐ trở lên.

Nhà đầu tư, ngoại trừ nhà đầu tư của dự án do chính họ đề xuất, có thể được lựa chọn thông qua đấu thầu trong nước hoặc quốc tế hoặc được Nhà nước chỉ định để đàm phán về hợp đồng dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm tra và cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án BOT, BTO và BT.

Nhà đầu tư bắt buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm cho các nghĩa vụ hợp đồng dưới hình thức bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức khác có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng dự án đến ngày hoàn thành việc xây dựng công trình. Khác với các quy định trước đó, Nghị định số 78 cũng quy định cụ thể tỷ lệ tối thiểu của số tiền bảo đảm: ít nhất 1% nếu tổng số vốn đầu tư của dự án từ 1.500

tỷ VNĐ trở lên; 2% nếu tổng số vốn đầu tư từ 75 tỷ VNĐ đến dưới 1.500 tỷ VNĐ; và 3% nếu tổng số vốn đầu tư dưới 75 tỷ VNĐ.

Một điểm mới nữa là các bên được phép chọn pháp luật nước ngoài điều chỉnh các hợp đồng BOT, BT hay BTO và các hợp đồng có liên quan.

- (iii) Nhà nước Việt Nam dành nhiều ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác đối với đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trong đó những ưu đãi thuận lợi nhất được dành cho các dự án BOT, BT và BTO. Theo Nghị định số 78, các doanh nghiệp BOT và BTO được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Doanh nghiệp dự án và các nhà thầu phụ được miễn thuế nhập khẩu đối với những hàng hóa được nhập khẩu để tạo tài sản cố định. Các đối tượng sở hữu công nghiệp đang trong thời gian bảo hộ, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ và dịch vụ kỹ thuật để thực hiện dự án được miễn thuế liên quan đến chuyển giao công nghệ và thu nhập từ tiền bản quyền. Các ưu đãi thuế tương tự được áp dụng đối với những dự án khác mà nhà đầu tư thực hiện để thu hồi vốn đầu tư trong dự án BT.

Đặc biệt, các dự án trong lĩnh vực điện và năng lượng sạch (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, v.v.) được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi doanh nghiệp có lãi, và giảm 50% thuế trong 9 năm tiếp theo; dự án xây nhà máy điện mới được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 20% trong 10 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm, và giảm 50% thuế trong 3 năm tiếp theo; dự án được thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu kinh tế hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo.

Các rào cản

Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức trong việc thu hút đầu tư tư nhân do thiếu các quy định cụ thể về những hình thức mới của PPP. Chưa có một chế độ rõ ràng liên quan đến dàn xếp tài chính giữa ngân sách Nhà nước, các thể chế tài chính, ngân hàng, và các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sự chia sẻ trách nhiệm giữa khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân chưa được xác định một cách cụ thể. Hỗ trợ của Chính phủ còn thiếu tương xứng. Giá sản phẩm của phần lớn các dự án cơ sở hạ tầng vẫn chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Trong hoàn cảnh tốc độ phát triển của nền kinh tế chậm lại, Chính phủ có xu hướng giảm bớt các bảo đảm.

Do đó, để thúc đẩy đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng, cần có (i) sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong hỗ trợ khu vực tư nhân thông qua việc thực hiện các chính sách và chế độ tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục, giúp đỡ về vốn, công nghệ và đào tạo cũng như chia sẻ các rủi ro; (ii) xây dựng các cơ chế pháp lý có hiệu quả như BOT và PPP, đặc biệt dưới hình thức dàn xếp tài chính hỗn hợp từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm

vốn ODA, vốn phát triển của Nhà nước, vốn của doanh nghiệp Nhà nước, vốn vay từ các ngân hàng thương mại, vốn góp tư nhân; (iii) các bảo lãnh và bảo đảm mạnh mẽ hơn cho đầu tư như bảo lãnh của Chính phủ, cam kết của Chính phủ cung cấp nguyên vật liệu, nhiên liệu, các tiện ích công và mua sản phẩm nhằm hỗ trợ các dự án; và (iv) các chế độ thu hồi vốn thích hợp mới.

Kết luận

Chúng ta có thể nói rằng Quan hệ Đối tác Tư nhân – Nhà nước có một tương lai tươi sáng ở Việt Nam khi Chính phủ đang cố gắng tạo nên một sân chơi bình đẳng và một hành lang pháp lý rõ ràng và cởi mở hơn cho các nhà đầu tư nhằm huy động mọi nguồn vốn sẵn có hỗ trợ cho sự phát triển đồng bộ và bền vững của Việt Nam. Những cải tiến này thể hiện một bước tiến quan trọng để hoàn thành mục tiêu mà Việt Nam đề ra vươn tới địa vị của một nước có thu nhập trung bình.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Quyết định số 87/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá;
- Thông tư số 17/2008/TT-BXD ngày 2/10/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn số nội dung lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện theo cơ chế 797 - 400;
- Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng.

Ngân hàng

- Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN ngày 16/10/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động bao thanh toán của các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 6/9/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Quyết định số 29/2008/QĐ-NHNN ngày 13/10/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy định về bảo trì hệ thống trang thiết bị tin học trong ngành Ngân hàng;
- Quyết định số 28/2008/QĐ-NHNN ngày 10/10/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy định về việc xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngành ngân hàng.

Thuế

- Quyết định số 95/2008/QĐ-BTC ngày 29/10/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;
- Quyết định số 94/2008/QĐ-BTC ngày 29/10/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô tại Biểu thuế xuất khẩu;
- Quyết định số 92/2008/QĐ-BTC ngày 28/10/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng sắt, thép không hợp kim của Biểu thuế xuất khẩu;

- Quyết định số 88/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;
- Quyết định số 84/2008/QĐ-BTC ngày 6/10/2008 của Bộ Tài chính về việc thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng sắt thép không hợp kim của Biểu thuế xuất khẩu;
- Quyết định số 83/2008/QĐ-BTC ngày 3/10/2008 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;
- Thông tư số 93/2008/TT-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện phân chia thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp do các nhà thầu phụ nộp ngân sách Nhà nước phát sinh từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí giữa ngân sách các cấp.

Thương mại

- Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31/10/2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 97/2008/QĐ-BTC ngày 31/10/2008 của Bộ Tài chính về việc tạo nguồn xử lý lỗ kinh doanh mặt hàng mazút tồn kho tại thời điểm 21/7/2008 của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối;
- Quyết định số 93/2008/QĐ-BTC ngày 29/10/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ;
- Quyết định số 89/2008/QĐ-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 69/2008/QĐ-BTC ngày 27/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành giá bán tối thiểu sản phẩm thuốc lá điếu;
- Quyết định số 5610/QĐ-BCT ngày 21/10/2008 của Bộ Công Thương về việc Điều chỉnh nhiệm vụ của Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh và Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn;
- Quyết định số 36/2008/QĐ-BCT ngày 10/10/2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Tiêu chí phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;
- Quyết định số 85/2008/QĐ-BTC ngày 6/10/2008 của Bộ Tài chính về việc tạm ứng từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động kinh doanh xăng đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối;

- Quyết định số 34/2008/QĐ-BCT ngày 1/10/2008 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt đề án Tăng cường quản lý và kiểm soát tiền chất đến năm 2010;
- Thông tư số 12/2008/TT-BCT ngày 22/10/2008 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục tiếp nhận, thụ lý giải quyết đơn yêu cầu xử lý các vụ việc vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ của cơ quan Quản lý thị trường;
- Thông tư số 11/2008/TT-BCT ngày 22/10/2008 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục mua bán điện với nước ngoài.

Lao động

- Quyết định số 39/2008/QĐ-BCT ngày 23/10/2008 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Chương trình đào tạo nguồn nhân lực ngành Dệt May Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020;
- Quyết định số 133/2008/QĐ-TTg ngày 1/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc trích nộp kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng điều hành của phía nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Thông tư số 20/2008/TT-BLĐTBXH ngày 29/09/2008 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 101/2008/NĐ-CP ngày 12/09/2008 của Chính phủ.

Giao thông vận tải

- Quyết định số 36/2008/QĐ-UBND ngày 15/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở Giao thông Vận tải Hà Nội;
- Quyết định số 20/2008/QĐ-BGTVT ngày 2/10/2008 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động của các Trạm kiểm tra tải trọng xe;
- Thông tư số 23/2008/TT-BCA-C11 ngày 14/10/2008 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14/09/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Xây dựng

- Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 10/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND ngày 29/09/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội.

Đất đai

- Quyết định số 76/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân cấp cho Ủy ban Nhân dân các quận, huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 42/2008/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về trình tự, thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của các tổ chức kinh tế trong nước không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước hoặc không phải là dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký biến động về sử dụng đất cho các tổ chức đang sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và thu hồi đất, giao đất làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 38/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội
- Quyết định số 73/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân đang cư ngụ tại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 134/2008/QĐ-TTg ngày 2/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý Đất đai trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Môi trường

- Quyết định số 2092/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế làm việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020;
- Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/09/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi.

Khoa học công nghệ

- Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí;
- Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND ngày 29/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 10/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008 - 2010;
- Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 9/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 3/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục các ngành và sản phẩm công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn Thành phố Hà Nội giai đoạn từ nay đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;
- Thông tư liên tịch số 98/2008/TTLT/BTC-BCT ngày 29/10/2008 của Bộ Tài chính; Bộ Công Thương về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hóa được đến năm 2020;
- Thông tư số 97/2008/TT-BTC ngày 28/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với việc đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, hải đảo.

Tư pháp

- Nghị quyết số 695/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 15/10/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 370/2003/NQ-UBTVQH11 về việc thành lập Ban dân nguyện;
- Nghị quyết số 694/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 15/10/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân gửi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế trại giam;
- Thông tư số 07/2008/TT-BTP ngày 21/10/2008 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;
- Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BQP-BCA ngày 20/10/2008 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, trong quân đội và ngoài quân đội;
- Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;
- Thông tư liên tịch số 91/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng;
- Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 8/10/2008 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và định mức biên chế của các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;
- Thông tư liên tịch số 86/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 6/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004 - 2010;

- Thông tư số 06/2008/TT-BTP ngày 26/09/2008 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức cán bộ các cơ quan thi hành án dân sự địa phương.

Nội vụ

- Quyết định số 46/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước của Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 28/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội
- Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 10/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

Nông nghiệp

- Quyết định số 103/2008/QĐ-BNN ngày 21/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ Quyết định số 37/2005/QĐ-BNN ngày 04/7/2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-BNN ngày 01/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Trung ương dự án thủy lợi và Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp;
- Quyết định số 104/2008/QĐ-BNN ngày 21/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh;
- Quyết định số 100/2008/QĐ-BNN ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;
- Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn;
- Quyết định số 98/2008/QĐ-BNN ngày 09/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc bổ sung loài cây trồng vào Danh mục loài cây trồng được bảo hộ và phân công đơn vị thực hiện khảo nghiệm DUS;

- Quyết định số 96/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc sửa đổi nội dung một số thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BNN ngày 27/3/2008 và một số loại thuốc bổ sung vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, ban hành kèm theo Quyết định số 76/2008/QĐ-BNN ngày 25/6/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Thông tư liên tịch số 94/2008/TTLT-BTC-BNN ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020 và Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020;
- Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BTC-BCT ngày 02/10/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi thực hiện Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020.

Văn bản khác

- Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 82/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 15/10/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy chế về trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thông tư số 25/2008/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2008 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình cận nghèo theo quy định tại khoản 4 điều 1 Quyết định số 117/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Địa chỉ liên hệ

Trụ sở Hà Nội

Phạm Nghiêm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Hải

Giám đốc Văn phòng Tư vấn

Lê Quỳnh Anh

Giám đốc Công ty Luật

Lê Thị Kim Dung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, tầng 3, Tháp Hà Nội
49 phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84-4-3934 0629 / 3826 4797 - Fax: 84-4-3934 0631
E-mail: vision@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại TP HCM

Lưu Tiên Ngọc

Giám đốc Văn phòng TP HCM

Charlene Yuen

Luật sư Nước ngoài

Phòng 1801, tầng 18, Saigon Trade Centre
37 phố Tôn Đức Thắng, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 84-8-3823 6495 - Fax: 84-8-3823 6496
E-mail: hcmvision@hcm.vnn.vn

www.vision-associates.com